

VỀ THỜI ĐIỂM VÀ DUYÊN CỐ THÁNH MẪU LIỄU HẠNH CÙNG NỮ SĨ ĐOÀN THỊ ĐIỂM ĐƯỢC DUNG NẠP VÀO THẦN ĐIỆN CAO ĐÀI

Tóm tắt: Từ phân tích tư liệu hồi cố của các nhân chứng và cũng là các môn đồ đầu tiên (các vị Cao Hoài Sang, Nguyễn Hương Hiếu, Nguyễn Trung Hậu), và đặc biệt là kinh sách Cao Đài bản in quốc ngữ ở các thời kỳ đầu tiên (1927-1929, 1930-1946), bài viết này chỉ ra rằng, một tôn giáo mới ở Nam Bộ là Cao Đài đã rất khéo léo dung nạp một nữ thần linh danh và một nữ văn sĩ tên tuổi của đất Bắc vào trong điện thần của mình. Hai nhân vật này đã trở thành hai vị trong Cửu Vị Tiên Nương theo hầu Phật Mẫu ở Diêu Trì Cung. Để trình bày một cách lớp lang nhận thức quan trọng nêu trên, bài viết này sẽ mở đầu bằng việc trình bày cách lý giải hiện nay của các hệ phái Cao Đài về Hội Yến Diêu Trì Cung lần đầu tiên vào rằm tháng Tám năm 1925. Sau đó, sẽ giới thiệu các lời kể của những nhân chứng có mặt trong đêm rằm tháng Tám năm 1925. Tiếp theo là kết quả khảo sát kinh sách của đạo Cao Đài thời kỳ sớm và vai trò quan trọng của Kinh Đạo Nam bản quốc ngữ in năm 1927. Cuối cùng là nói về thứ tự của các Tiên Nương và sự xuất hiện của văn hào Victor Hugo (Nguyệt Tâm Chơn Nhơn).

Từ khóa: Mẫu Liễu Hạnh; Đoàn Thị Điểm; thần điện Cao Đài.

Dẫn nhập

Ở một khảo cứu về mối quan hệ giữa Mẫu Liễu và Cao Đài (Chu Xuân Giao, 2016), chúng tôi đưa ra nhận thức tổng quan về hình tượng Mẫu Liễu, dưới tên gọi Ngũ Nương hay Liễu Ngũ Nương,

* Viện Nghiên cứu văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài 17/11/2020; Ngày biên tập: 25/11/2020; Duyệt đăng: 04/12/2020.

trong thần điện (Thánh thất, Điện thờ Phật Mẫu) và hệ thống nghi lễ của Cao Đài (tiêu biểu nhất là Hội Yến Diêu Trì Cung được tổ chức long trọng vào rằm tháng Tám hằng năm). Qua khảo sát sơ bộ sử liệu của Cao Đài, lúc đó chúng tôi cũng đã có mừng tượng như sau: Ở thời kì mở đạo, tức nửa sau thập niên 1920, thuyết minh “Liễu Ngũ Nương ở Diêu Trì Cung của Cao Đài chính là Liễu Hạnh Công Chúa hay Liễu Hạnh Thánh Mẫu (cách gọi khác là Vân Hương Thánh Mẫu) có gốc Bắc”, tựa như chưa có. Thuyết minh đó không bỗng nhiên có được trong một sớm một chiều, trong một buổi cầu cơ hay một buổi thuyết pháp, mà hình thành dần qua nhiều năm.

Tới bài viết này, qua nghiên cứu sâu sắc hơn nữa hệ thống kinh sách Cao Đài được xuất bản ở các thời kì sớm (1927-1929, 1930-1946), có tham chiếu các nguồn tư liệu khác, lần đầu tiên chúng tôi đã xác định được thời điểm cụ thể mà Thánh Mẫu Liễu Hạnh và nữ sĩ Đoàn Thị Điểm bắt đầu được dung nạp vào thần điện Cao Đài, là năm 1930. Đồng thời, một tác nhân quan trọng cũng đã được nhận ra, chính là cuốn Kinh Đạo Nam danh tiếng nhưng là bản quốc ngữ in ở Nam Bộ vào năm 1927 (gốc là cuốn Kinh Đạo Nam bằng chữ Nôm ấn hành ở phía Bắc đầu thập niên 1920). Lâu nay, học giới hầu như đã không còn biết đến bản in quốc ngữ với số lượng lớn này. Do đòi hỏi phải làm rõ những vấn đề đã bị quên lãng từ rất lâu, bài này sẽ có nhiều đoạn buộc phải đưa những trích dẫn nguyên gốc có dung lượng hơi dài.

1. Cách lý giải hiện nay của các hệ phái Cao Đài về Hội Yến Diêu Trì Cung lần đầu tiên vào rằm tháng Tám năm 1925

Tài liệu chính thức của Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh thì giải thích như sau về Đại Yến Hội Diêu Trì cung:

“Hội Yến Diêu Trì Cung là ngày Đại lễ và đặc biệt quan trọng trong Đạo Cao Đài. Hằng năm, Hội thánh Cao Đài Tây Ninh long trọng tổ chức Hội Yến Diêu Trì Cung vào ngày 14, 15 tháng 8 (Âm lịch) tại Điện thờ Phật Mẫu nơi Nội ô Tòa thánh Tây Ninh ở thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Lễ hội thu hút hàng

chục vạn tín đồ đạo Cao Đài và đông đảo nhân dân ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ tham dự.

Lễ hội được tổ chức lần đầu tiên vào ngày Rằm tháng 8 năm Ất Sửu (1925) tại nhà của Thượng phẩm Cao Quỳnh Cư ở Sài Gòn. Đức Chí Tôn dạy ba vị: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang làm tiệc chay đãi Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương.

Sự tích này được thuật lại như sau:

Nguyên vào Thượng tuần tháng Tám Âm lịch năm Ất Sửu (1925), ba ông Cư, Tắc, Sang được Thất Nương tiết lộ cho biết chút ít về Diêu Trì Cung. Trên hết có Cửu Thiên Nương Nương cai quản, dưới có Cửu Vị Tiên Nương, mà Cô đứng hàng thứ bảy là Thất Nương, Hớn Liên Bạch là Bát Nương,...

Nhắc lại, ngay sau bữa tiệc đãi Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương lần đầu tiên vào ngày 15 tháng 8 năm Ất Sửu (1925) tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương lần lượt giáng cơ để lời cảm ơn ba ông, rồi mỗi vị cho một bài thi 4 câu để kỉ niệm.

(...)

Ngũ Nương

Liễu yếu điệu còn ghen nét đẹp,

Tuyệt trong ngần khó phép so thân.

Hiu hiu nhẹ gót phong trần,

Đài sen mấy lượt gió Thần đưa hương.

(...)

Những năm về sau, mỗi lần thiết lễ Hội Yên Diêu Trì Cung, Đức Hộ Pháp dạy đồng nhi thài 10 bài thi trên để hiến lễ Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương, và thài 3 hiệp, hiến lễ 3 lần:

Hiệp nhứt: Thài 10 bài để hiến dâng Hoa,

Hiệp nhì: Thài cũng 10 bài này để hiến dâng Rượu,

Hiệp ba: Cũng thài 10 bài này để hiến dâng Trà, đủ Tam bửu.

Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên năm 1929, Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên năm 1959, Đức Cao Thượng Sanh đăng Tiên năm 1971, cho nên kể từ năm 1971 trở về sau, những buổi Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung tổ chức tại Báo Ân Từ Tòa thánh Tây Ninh đều có thái thêm 3 bài nữa để hiến lễ Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm và Đức Cao Thượng Sanh.

(Tòa thánh Tây Ninh, 2009: 6-13)

Thuyết minh hiện nay trong các ấn phẩm của Tòa thánh Tây Ninh về Hội Yến Diêu Trì Cung, về Liễu Ngũ Nương trong nhóm Cửu vị Tiên nương đều cơ bản là như trên. Tức là đều nhấn mạnh đến sự kiện đêm rằm tháng Tám năm 1925, ba ông Cao Quỳnh Cư - Phạm Công Tắc - Cao Hoài Sang đã thực hiện Hội Yến Diêu Trì Cung đầu tiên tại nhà riêng của ông Cao Quỳnh Cư tại Sài Gòn để đón tiếp Phật Mẫu cùng Cửu vị Tiên nương. Ngay trong đêm đó, Phật Mẫu và Cửu vị Tiên nương đã lần lượt mỗi người cho một bài thơ bốn câu, tức là được nhận tất cả 10 bài thơ. Nhóm ba ông đã ghi chép lại 10 bài thơ đó, và những năm sau thì sử dụng là 10 bài thái để hiến lễ cho các vị. Và như vậy, bài thái của Liễu Ngũ Nương với chữ đầu tiên là Liễu (Chu Xuân Giao, 2016) được mặc nhiên xem là có từ đêm rằm tháng Tám năm 1925.

Thuyết minh của Hội thánh Ban Chính Đạo thì cũng nhấn mạnh đến Hội Yến Diêu Trì Cung lần đầu tiên vào rằm tháng Tám năm 1925 đó. Ví dụ, bức Châu tri số 200/CT về việc tổ chức Đại lễ vía Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Đại Từ Tôn năm 2019 đã được Hội thánh Bến Tre ban hành ngày 19 tháng 8 năm 2019, có đoạn mở đầu như sau:

“Hội Thánh gọi cho toàn Đạo nam nữ

Chư hiền lưỡng phái,

Hằng năm cứ vào tiết Trung Thu là toàn Đạo tổ chức Đại lễ kỷ niệm ngày Đức Phật Mẫu giáng cơ dạy Đạo trong buổi Tam Kỳ. Theo lịch sử Đạo còn ghi lại ngày 8 tháng 8 năm Ất Sửu (tức ngày 25 tháng 8 năm 1925) các vị tiên khai lập đàn được Đức Cao Đài chỉ dạy:

“Rằm tháng Tám này, ba vị thiết tiệc chay thỉnh Diêu Trì Nương Nương và Cửu Vị Tiên Nương”. Từ ấy đến nay người Đạo Cao Đài thờ kính Đức Chí Tôn là Đài Từ Phụ và Đức Kim Mẫu là Đại Từ Mẫu là cha mẹ linh hồn của toàn linh. Hằng năm từ Hội Thánh đến Hộ Đạo - Nhà tu tổ chức Đại lễ Đức Chí Tôn vào ngày mùng 9 tháng Giêng, Đại lễ Đức Phật Mẫu vào ngày Rằm tháng Tám để toàn Đạo cảm tạ ân sâu hóa sanh dưỡng dục khai Đạo cứu đời.

Ngày Rằm tháng Tám là ngày Đại lễ Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương cũng là ngày Hội lớn của Nữ phái, đồng thời là ngày Tết Trung thu của Nhi đồng trong Đạo. Toàn Đạo cần để hết tâm thành chiêm bái Đức Mẹ đã vì thương yêu đàn con thơ nơi cõi trần vâng lệnh Đức Chí Tôn góp sức khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ gọi là Đạo Cao Đài”.

(Tòa thánh Bến Tre, 2019: 1)

2. LỜI KỂ CỦA NHỮNG NHÂN CHỨNG CÓ MẶT TRONG ĐÊM RẪM THÁNG TÁM NĂM 1925

Tư liệu của những người trực tiếp tham dự lễ đón tiếp Phật Mẫu và Cửu vị Tiên nương vào đêm rằm tháng Tám năm Ất Sửu (1925) thì lại cho chúng ta một luồng tượng khác, không giống với các thuyết minh hiện nay. Cụ thể như sau.

Đầu tiên là tư liệu của vị nữ đầu sư Hương Hiếu (thê danh Nguyễn Hương Hiếu, 1886-1971, là phu nhân của ông Cao Quỳnh Cư - tức một trong nhóm ba ông Cư - Tác - Sang đã lập đàn cầu các đấng thiêng liêng giáng cơ như đã nói ở trên). Mỗi nhân duyên sâu sắc của bà Nguyễn Hương Hiếu với thời kì lập đạo đầu thế kỉ XX có thể thấy trong tiểu sử của bà đã được Hội thánh Tây Ninh tuyên dương năm 1971 (khi bà qui tiên), như sau:

“Khi Bà vừa lên 7 tuổi, được thân mẫu cho vào học trường Bà Phước (Nhà Trắng) Sài gòn. Đến năm 17 tuổi, thân mẫu cho Bà học Nữ Công, đến năm 21 tuổi thì Bà sánh duyên cùng Ông Cao-Quỳnh-Cư ở làng Hiệp Ninh (Tây Ninh). Năm 23 tuổi, Bà hạ sanh được một trai, đặt tên là Cao Quỳnh An.

Phản Đạo: Đến năm Bà 38 tuổi, gặp thời kỳ Đức Chí Tôn đến khai Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ. Một sự ngẫu nhiên của cơ huyền bí mà trước kia 3 Ông: Hộ-Pháp, Thượng-Phẩm, Thượng-Sanh, có tánh cách Xây bàn cầu vong linh để làm thi tiêu khiển, chẳng ngờ Đức Chí-Tôn giáng khai cơ mở Đạo tại tư gia của Bà trước tiên, ở đường Bourdais nhà số 134 Sài gòn (nay là đường Calmette). Năm 1925, mới khai Đạo chưa có Thánh Thất, nên các Đấng dạy tạm dùng nhà Bà để thờ Đức Chí-Tôn và Phật-Mẫu dựng có nơi cầu cơ dạy Đạo và diu dắt nhơn sanh trong buổi đầu là năm 1925. Đến năm 1926 mới mở Đạo lần tới Tân-Kim, Tân-Định, Lộc-Giang, Thủ-Đức, trong buổi chưa có Ngọc cơ, còn xây bàn, các Đấng giáng dạy Đạo cho Đức Hộ-Pháp, Đức Thượng-Phẩm, Đức Thượng-Sanh thì bàn gõ từ chữ. Đức Thượng-Phẩm đọc chữ nào, Bà biên chữ nấy, rồi mới ghép lại cho thành văn. Vì thế mà lúc còn Xây bàn, các Đấng giáng cho một bài thi bát cú hay tứ tuyệt hoặc dạy một việc gì, khi chép xong rồi Bà mới ghép lại một bài thật lâu lắm, mà mỗi đêm mỗi cầu. Buổi ấy, Bà làm Biên Tập Viên (Thơ ký) cho các Đấng, chép thi văn dạy Đạo rất cao kỳ màu nhiệm, ban đêm làm Thơ ký chép Thánh giáo, ban ngày lo nấu ăn tiếp đãi khách thượng, trung, hạ lưu xa gần đến nhập môn.

Trong 2 năm: 1925, 1926, chưa có người để chép Thánh giáo, nên Bà được vừa làm Thơ ký cho các Đấng, vừa đón tiếp nhơn sanh từ tháng 6 năm Ất Sửu (1925) đến năm Bính-Dần (1926).

Hồi chưa có Tòa Thánh, còn trong buổi phôi thai, mỗi khi khai đàn thượng tượng (thờ Thầy) đều có Bà theo chép Thánh giáo đem về cho Đức Thượng-Phẩm. Nên có Thánh giáo Thầy kêu:

- Hiếu, viết rõ con!”

(Liên Thanh sưu tập, 1986)

Có thể nói, bà Nguyễn Hương Hiếu là vị thư kí biên chép Thánh ngôn đầu tiên của Đạo Cao Đài. Hằng đêm, bà ngồi ở sau bàn cầu cơ của ba ông Cư - Tắc - Sang với tư thế sẵn sàng biên chép. Các đấng thiêng liêng đã giáng xuống bàn cầu cơ của ba ông, các trao

đôi (lời thoại, văn thơ) giữa hai bên đều được bà ghi chép lại ngay tức khắc.

Năm 1957, bà Nguyễn Hương Hiếu có tập hợp tư liệu lưu trữ của mình để biên soạn bản thảo sách Đạo sử (Nguyễn Hương Hiếu, 1957; Ảnh 4). Trong đó, bà có cho vẽ lại cảnh ba ông Cư - Tắc - Sang hằng đêm xây bàn cầu cơ tại tư gia của ông bà (Cư - Hiếu) tại Sài Gòn (Ảnh 1), và cảnh bà Hiếu ngồi chép thánh ngôn ở phía sau ba ông (Ảnh 2).

Bà Nguyễn Hương Hiếu cũng đưa ảnh chụp chiếc bàn cầu cơ của ba ông Cư - Tắc - Sang năm 1925 (Ảnh 3) và ghi chú như sau: “Xin quý độc giả xem hình bên đây là một cái bàn bốn chun bằng nhau, đó là cổ tích chiếc bàn đầu tiên của ba ông HP.TP.TS. dùng thiết lễ cầu Tiên ông giảng bút để thi dạy Đạo. Xin nhắc lại, ban sơ khai Đạo khởi Thượng tuần tháng 6 năm Ất Sửu (1925) đúng sự thật là ba ông xây bàn khăn cầu Thiêng Liêng dạy Đạo, ba ông học Đạo cho tới đầu năm 1926 cái bàn này để cần dùng luôn (nghĩa là không đổi bàn khác). Bàn này dùng hai phương diện: Đầu tiên ba ông Xây Bàn, rồi ba ông xử dụng luôn phò Đại Ngọc Cơ đăng Chí Tôn giảng loan mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chiếc bàn này hiện giờ tôi còn để thờ tại Thảo Xá Hiền Cung - bây giờ là Thánh Thất Châu Thành Tây Ninh)” (Nguyễn Hương Hiếu, 1957).

Theo hồi ức của ông Cao Hoài Sang (tức là một trong ba vị trực tiếp xây bàn cầu cơ năm 1925 đã nói trên) thì vị Thất Nương của Diêu Trì Cung đã giảng cơ đầu tiên. Khi đó, Đức Chí Tôn tức Đức Cao Đài còn chưa tiết lộ danh tính, chỉ xưng với ba ông là A Ằ Ằ (Nguyễn Hương Hiếu 2011 (1995) : 13-15).

Về vị Thất Nương của Diêu Trì Cung thác danh là Đoàn Ngọc Quế, thì người thư kí Nguyễn Hương Hiếu có nhớ lại rằng:

“Lối cuối tháng 7 năm Ất Sửu (1925) ba ông hỏi cô Đoàn Ngọc Quế rằng: Em còn có chị em nào nữa biết làm thì em mời giùm, ba anh em qua có lòng ngưỡng mộ học làm thi, xin cầu khẩn quý cô đến dạy ba anh em qua làm thi. Cô Đoàn Ngọc Quế trả lời: có chị

Hón Liên Bạch, Lục Nương, với Nhứt Nương làm thi hay lắm. Ba ông rất mừng nên mời quý cô ngày Rằm Trung Thu, vì là ngày tiết trăng thanh gió mát, ngày ai cũng thích đi ngoạn cảnh ngắm trăng (chung cộ đèn)”.

(Nguyễn Hương Hiếu, 2011: 24)

Vấn về vị Thất Nương của Diêu Trì Cung, còn được đề cập đến trong một cuốn sách ghi chép lịch sử Cao Đài được xuất bản từ năm 1930 là Đại Đạo căn nguyên của ông Nguyễn Trung Hậu (1892-1961) - một trong những nhân chứng việc ba ông Cư - Tắc - Sang xây bàn cầu cơ thời kì mở đạo, sau này được phong là Bảo Thế Quân (lúc đầu, ông Hậu đang là giáo viên tiểu học, nghe thấy có việc cầu cơ của ba ông vào năm 1926 thì đến xem thử thật hư ra sao, rồi đã chịu phục, liền trả lại công việc và nhập môn Cao Đài, trở thành một trong 13 môn đồ đầu tiên). Trong Đại Đạo nguyên lưu, Nguyễn Trung Hậu cho biết Thất Nương đã giảng cơ đầu tiên:

“Ông Cao Huỳnh Cư, người gốc ở Tây ninh, xuống làm việc tại sở Hòa xa Saigon. Ông mướn phố ở tại đường Bourdais. Ông có một người vừa là đồng hương vừa là bạn thiết, là ông Phạm Công Tắc nguyên làm việc tại sở Thương chánh Saigon, và một người cháu là ông Cao Hoài Sang cũng làm việc tại sở Thương chánh. Ba người này thân thiết nhau lắm, đêm nào cũng hiệp nhau một chỗ, khi đờn địch, lúc ngâm thi, tiêu diêu với thú phong lưu tài tử. Lối tháng sáu, năm Ất Sửu (1925), ba người lại bắt đầu tập xây bàn chơi

(...)

Từ đây các bạn “xây bàn”, lấy làm đặc chí, vì hễ cầu thỉnh vị Tiên Thánh nào thì được nấy. Ấy là cách Thượng Đế sắp đặt để thấu phục mấy vị phò loan hầu ngày sau chấp cơ truyền Đạo.

Nhưng ông Cư thường than phiền rằng thông công chư Thần Thánh bằng cách xây bàn làm bất tiện, nên vào lối thượng tuần tháng Tám năm Ất Sửu, một vị Tiên Cô xưng là Thất Nương nhập bàn dạy phải kiếm ngọc cơ mà dùng. Ông Cư hỏi thăm mượn được

cơ của ông ký Tý (cũng ở đường Bourdais) và cậy ông đến nhà chỉ giùm cách chấp cơ thể cho bàn. Từ đây có cơ rồi, mỗi đêm đều có Thần Tiên giáng cơ dạy đạo. Khi ấy, Đức “A Ồ Ồ” mới phân với ông Cư, Tắc, Sang rằng: “Muốn cho Ta tận tâm truyền Đạo, phải kêu Ta bằng Thầy cho tiện bề đối đãi”. Ba ông ấy vui lòng vâng chịu; từ đây giữ nghĩa thầy trò, tình giao thiệp càng thêm mật thiết.

Mãi đến đêm Noel (24 Decembre 1925), Thất Nương giáng cơ truyền phải chỉnh đàn cho nghiêm trang hầu tiếp giá. Nghe vậy, mấy ông Cư, Tắc, Sang nửa mừng nửa sợ, lật đặt sấm đủ hương đăng trà quả, chỉnh đàn cho có nghi tiết, đoạn hai ông Cư, Tắc mới ngồi lại chấp cơ. Cơ giáng như vậy: Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương”.

(Nguyễn Trung Hậu, 1930: 23, 29,30)

Theo ghi chép trên của Nguyễn Trung Hậu, thì Thất Nương là người có công dẫn dắt ba ông Cư - Tắc - Sang chuyển đổi phương thức cầu cơ: từ xây bàn sang sử dụng ngọc cơ. Nhờ đó, thì vị Thần Tiên A Ồ Ồ mới đề nghị các đệ tử gọi mình bằng Thầy rồi sao đó mới chịu lộ danh tính. Thế rồi, đến đêm Noel năm 1925 (ngày 24 tháng 12) chính Thất Nương đã báo cho ba ông chuẩn bị đón Đức Cao Đài. Khi giáng cơ vào đêm đó, Đức Cao Đài đã cho biết mình chính là vị A Ồ Ồ trước đây.

Cụ thể hơn về lai lịch của Hội Yến Diêu Trì Cung, bà Hương Hiếu kể lại như sau:

“Tích Hội Yến Diêu Trì: Rằm tháng 8 năm Ất Sửu (dl. 01-09-1925

Cô Đoàn Ngọc Quế dạy ba ông rằng, Ba ông muốn cầu thi ngày đó ba ông phải ăn chay, cầu mới được (ba ông vâng lệnh cô Đoàn, ngày cầu ba ông ăn chay).

Ngày qua tháng lại tới ngày Rằm tháng 8 năm Ất Sửu (Le fer Septembre 1925). Ngày Rằm lập bàn hương án chưng những hoa thom trầm trọn ngày (nhà không tiếp khách nào hết), nhà ở đường Bourdais 134 Saigon, nay là đường Calmetle.

Ba ông vọng bàn cầu khẩn thấp hương thơm từ 10 giờ đêm đến giờ Tý, xông hương thành tâm cầu quý cô năm phút thì có bốn cô giáng cho một bài thơ dưới đây:

Im lìm cây cỏ vẫn in màu,
 Mờ một vườn xuân điếm sắc thu.
 Gió dậy xao trời mây cuốn ngọc,
 Sương lòng ướt đất liễu đeo châu.
 Ngựa vàng ruổi gió thoi đưa sáng,
 Thỏ ngọc chau gương đậm vẽ lầu.
 Non nước điều hui xuân vắng chúa,
 Nhìn quê cảnh úa giục con sầu
 Lục Nương

(Mỗi ăn hết ba bài thì)”

(Nguyễn Hương Hiếu, 2011: 25)

Như vậy là theo ghi chép tại chỗ của bà Hương Hiếu thì có bốn cô, tức bốn vị trong Cửu vị Tiên nương đã giáng đàn vào đêm rằm tháng Tám năm 1925. Mỗi cô cho một bài thơ, nhưng do ba bài sau bị mối xông nên không đọc được, chỉ còn bài đầu của Lục Nương. Bài thơ của Lục Nương giáng hôm đó hoàn toàn khác với bài phổ biến hiện nay, gọi là bài thái của Huệ Lục Nương mà mở đầu bài phải là chữ Huệ (Huệ ngào ngạt đưa hơi vò diệp/Đứng tài ba chẳng thiếu tư phong/Nương mây như thả cánh hồng/Tiêu Diêu phát phườn cõi tòng đưa Tiên) (Tòa thánh Tây Ninh, 2009: 11).

Các ghi chép sau đó của bà Hương Hiếu về những đêm cầu cơ tiếp theo, trong khoảng từ sau rằm tháng Tám năm 1925 đến hết năm 1929, cho thấy: Thất Nương, Lục Nương, Bát Nương xuất hiện rất nhiều và đôi khi có những xướng họa thơ rất dài với ba ông Cư - Tắc - Sang; Nhất Nương xuất hiện ít; Diêu Trì Kim Mẫu cũng xuất hiện ít. Không thấy sự xuất hiện của Nhị Nương, Tam Nương, Tứ Nương, Ngũ Nương, Cửu Nương.

Trên đây là lời thuật lại của những người trong cuộc về lai lịch của Hội Yến Diêu Trì Cung, gồm những ghi chép cẩn thận và cố gắng giữ đúng sự thực của bà Hương Hiếu (chỗ nào bị mối xông cũng được ghi rõ) dù được xuất bản sau đó nhiều năm, và những ghi chép trong sách đã xuất bản ngay năm 1930 của Nguyễn Trung Hậu. Trong các lời thuật ấy, chúng ta thấy được vai trò quan trọng của các vị Tiên Nương trong buổi khai đạo, Thất Nương đã giảng xuống đầu tiên để dẫn dắt việc học đạo của ba ông Cư - Tắc - Sang và báo hiệu sự xuất hiện của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu cùng các vị Tiên nương theo hầu. Đã có nhiều vị lần lượt giảng đàn ở thời kì đó, gồm Nhất Nương, Lục Nương, Thất Nương, Bát Nương. Tuy nhiên, không tìm được ghi chép về Liễu Ngũ Nương và Gấm Tứ Nương cùng một số vị khác (Nhị Nương, Tam Nương, Cửu Nương). Tựa như bản thân khái niệm “Cửu vị Tiên nương” cũng chưa xuất hiện.

3. Kết quả từ khảo sát kinh sách của Cao Đài thời kì sớm

Trên đây là các ghi chép của người trong cuộc. Ở một hướng khác, mang tính khách quan hơn, sẽ khảo sát các tài liệu ghi chép thánh ngôn hay kinh sách Cao Đài đã xuất bản ở thời kì sớm. Chúng tôi đã khảo sát các ấn phẩm sau (xếp thứ tự theo năm xuất bản, tất cả đều là sách nên có thể xác định chính xác năm xuất bản):

- 1927 - Luận đạo vấn đáp (Nguyễn Trung Hậu),
- 1927 - Tân luật (Đại đạo Tam kỳ phổ độ),
- 1928 - Bài diễn văn của Hộ pháp Phạm Công Tắc... (Phạm Công Tắc)
- 1928 - Phương tu đại đạo (Phạm Công Tắc),
- 1928 - Nhựt khóa (Thánh thất Vũng Liêm),
- 1928 - Thánh ngôn hiệp tuyền (bổn thứ nhất) (Tòa thánh Tây Ninh)
- 1928 - Châu tri và chương trình (Tòa thánh Tây Ninh),
- 1928 - Đại đạo tam kỳ phổ độ kinh (Tòa thánh Bến Tre),
- 1928 - Đại đạo tam kỳ phổ độ (Thánh thất Mỹ Tho),

1928 - Kinh cúng tứ thời (Hồ Thị Quế),

1928 - Tứ thời nhật tụng kinh (Lê Văn Trung - Lê Văn Lịch)

1928 - Điều lệ (Cao Đài thượng đế Hội giáo Cần Thơ)

1929 - Kinh cúng tứ thời - Thánh ngôn - Cảm ứng...(Chiếu Minh đài Cần Thơ)

1929 - Kinh thường dùng (Cao Đài thượng đế Hội giáo Cần Thơ)

Kết quả cho thấy, toàn bộ kinh sách thời kì sớm (như liệt kê ở trên, là các năm 1927, 1928, 1929) đều nói nhiều về Đức Cao Đài. Dù có tư tưởng rất coi trọng nữ phái (tiêu biểu là kinh sách của hệ phái Tây Ninh), nhưng hầu như lại hoàn toàn vắng bóng Phật Mẫu (Diêu Trì Kim Mẫu) và Cửu vị Tiên nương. Hầu như không có một đoạn nào dòng nào nói về Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương, cũng có nghĩa là các vị này không giảng cơ hoặc những bài giảng cơ của họ không được mang ra in ấn chính thức. Có một vài chỗ xuất hiện tên Cửu Thiên Huyền Nữ một cách đơn lẻ.

Có thể thấy tư tưởng coi trọng nữ phái trong cuốn Thánh ngôn hiệp tuyển (bổn thứ nhất) in năm 1928 của Tòa thánh Tây Ninh. Ví dụ, trong cuốn đó, thánh ngôn của Cao Đài Tiên Ông giảng ngày 17 tháng 7 năm 1926 (tức mùng 8 tháng 6 năm Bính Dần) có đoạn: “Thầy giao phe nữ cho con lập thành. Chẳng phải vì đờn bà mà sớm nổi cơn, chiều trà cháo hoài. Phần các con truyền Đạo Tam kỳ Phổ Độ này cũng lắm nặng nề; bao nhiêu Nam tức bao nhiêu Nữ; Nam biết thành Tiên Phật, chớ Nữ lại không sao? Thầy đã nói Bạch Ngọc Kinh có cả Nam và Nữ, mà phần nhiều Nữ lấn quyền thế hơn Nam nhiều. Vậy con phải tuân lệnh Thầy mà lập thành Nữ Phái. Nghe và tuân. Thầy hằng ở với con, lo chung cùng con; con chớ ngại” (Tòa thánh Tây Ninh, 1928: 25).

Quy định về làm tuần cửu vẫn chưa rõ ràng trong kinh sách ấn hành trước năm 1930 của hệ phái Tây Ninh và hệ phái Bến Tre. Khi đề cập đến việc cầu siêu sau tang lễ, các kinh sách chủ yếu nhắc đến việc làm “tuần bá nhật” (bách nhật, hay 100 ngày), “tuần giáp năm” (một năm), “tuần mãng khó” (mãn tang). Chưa có sự xuất

hiện của Phật Mẫu và Cửu vị Tiên nương trong việc vận hành cúng tuần cửu.

Còn kinh sách của Thánh thất Cần Thơ thì đã bắt đầu thấy có qui định về cúng tuần cửu. Cụ thể là cuốn Đại đạo tam kỳ phổ độ xuất bản năm 1928 của Thánh thất Cần Thơ đã có qui định sau:

“Làm tuần: Chín ngày làm một tuần cửu

Ba cửu thì làm tuần lớn

Đến chín cửu làm tuần lớn

Giáp năm làm tuần lớn

Mãng khó tuần lớn

Đám tang cùng làm tuần, đám dỡ, kỵ cơm, thì toàn cúng chay, không sát sanh

Cúng Thầy rồi, cúng vong sau, rồi tụng kinh Di Đà, Phổ Môn, Hồng Danh, Vu lang, Bồ khuyết”.

(Thánh thất Mỹ Tho, 1928: 35)

Cần chú ý là, tuy đã có qui định bước đầu về tuần cửu như trên, nhưng Phật Mẫu (Diêu Trì Kim Mẫu) và Cửu vị Tiên nương cũng không xuất hiện trong kinh sách của Thánh thất Cần Thơ. Chưa thấy có sự xuất hiện của Phật Mẫu và Cửu vị Tiên nương trong quá trình gia chủ làm các tuần cửu. Lúc đó mới có qui định cúng Thầy (tức Đức Chí Tôn), rồi là tụng kinh Phật.

Điểm thú vị nhất trong kinh sách thời kì đầu là sự xuất hiện tên của một số Thánh Mẫu hay Tiên Nương trong kinh sách của Chiếu Minh đài Cần Thơ. Chẳng hạn, trong hai cuốn Kinh cúng tứ thời - Thánh ngôn - Cảm ứng - Tang lễ và Cầu siêu và Thánh Ngôn cùng in năm 1929 của hệ phái này, có xuất hiện các tên “Lê Sơn Thánh Mẫu”, “Lư Sơn Thánh Mẫu”, “Đào Hoa Thánh Mẫu”, “Mã Lược Tiên Nương”, “Bạch Vân Tiên Nương”, “Đào Hoa Thánh Mẫu”, “Kim Quan Thánh Mẫu”, “Linh Tiêu Thánh Mẫu”,... Danh xưng “Cửu Thiên Huyền Nữ” cũng xuất hiện nhiều. Danh xưng “Phật Mẫu Diêu Trì” có xuất hiện và cho biết vị trí quan trọng là “sanh

loài người và sanh muôn vật”. “Kim Quan Thánh Mẫu” thì được gắn với động Diêu Trì, để thành danh xưng đầy đủ là “Linh Tiêu Thánh Mẫu động Diêu Trì”, tức là gắn với Diêu Trì Cung của Phật Mẫu. Còn “Linh Tiêu Thánh Mẫu” thì là “Linh Tiêu cửu tầng thiên”, tức vẫn là thuộc Diêu Trì Cung (Chiếu Minh đàn Cần Thơ, 1929a, 1929b). Các vị này đã giáng đàn vào các năm 1926 -1928. Có thể thấy là các Thánh Mẫu đều xa gần gắn với Diêu Trì Cung, nhưng chưa được sắp xếp thành một hệ thống hoàn chỉnh như sau này. Tuy nhiên, đến hết năm 1929 thì chưa thấy “Vân Hương Thánh Mẫu” xuất hiện (cho dù có “Bạch Vân Tiên Nương”).

“Lê Sơn Thánh Mẫu” cũng xuất hiện trong Thánh ngôn hiệp tuyên xuất bản năm 1928 của hệ phái Tây Ninh. Đặc biệt hơn nữa là Lê Sơn Thánh Mẫu đến đây mới được các đấng thiêng liêng giao nhiệm vụ dạy dỗ nữ phái.

“1er/11/1926 26/9/BD

Minh Tân đàn

Ngã thái thượng lão quân giáng đàn

(...)

Ngã tề thiên đại thánh giáng đàn

Chư Môn Đệ Nam Phái phải đứng sụ lại sau, đê Nữ Phái hầu Đàn, quì bên hữu.

(...)

Thôi đê Nữ Phái cầu Lê Sơn Thánh Mẫu dạy chúng nó.

Lê Sơn Thánh Mẫu

Trước khi Thầy dạy Đạo phụ nữ, Thầy phải cho chúng Đạo Việt Nam rõ trước, vì Đại Đạo hồng khai, song khai cũng có thời kỳ, chớ chẳng phải khai hoài ”

(Tòa thánh Tây Ninh, 1928: 47,48)

Hãy chú ý đến chữ “Đạo Việt Nam”, tức là Đạo của nước Việt Nam, đã xuất hiện trong thánh ngôn năm 1928 của Cao Đài. Sau

đây, chúng ta sẽ thấy được ý nghĩa của “Đạo Việt Nam” trong bối cảnh xã hội Việt Nam thời đầu thế kỉ XX.

Chúng tôi phát hiện ra rằng, từ năm 1930, Phật Mẫu (Diêu Trì Kim Mẫu) và các vị Tiên Nương mới xuất hiện ngày một nhiều trong kinh sách của Cao Đài. Mở đầu, có lẽ là danh hiệu “Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn” trong cuốn Nghi tiết đại đàn và tiểu đàn tại tòa thánh và thánh thất các nơi in năm 1930 (Tòa thánh Tây Ninh, 1930). Đây là lần đầu tiên, danh hiệu “Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn” đứng cùng một cặp với “Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn”, tức là một cặp Cha Mẹ đã sinh ra nhân loại (Ảnh 5).

Sau đó, đến năm 1932, thì có cả Thánh ngôn của Bác Nương Diêu Trì Cung được xuất bản, rồi được tái bản luôn năm 1934 (Tòa thánh Tây Ninh, 1934). Bác Nương chính là Bát Nương, một trong những vị Tiên Nương đã giảng cơ vào thời kì đầu tiên mở đạo 1925-1926 khi các ông Cư - Tắc - Sang còn ở Sài Gòn. Đến lúc này, năm 1932, Bát Nương giảng cơ xuống Tòa thánh ở Tây Ninh, phò loan là Hộ Pháp và Tiếp Pháp, còn hầu đàn là Thượng Trung Nhật và ba chức sắc nữ phái (Tòa thánh Tây Ninh, 1934: 7).

Đặc biệt, đến năm 1936, tức sau 10 năm Cao Đài khai đạo, Tòa thánh Tây Ninh đã phát hành cuốn kinh quan trọng là Kinh thiên đạo và thế đạo (Tòa thánh Tây Ninh, 1936). Cuốn kinh này đã đặt vị trí của Phật Mẫu (Diêu Trì Kim Mẫu) ngang hàng Đức Chí Tôn. Đi theo hầu cận Phật Mẫu là Cửu vị Tiên nương, mỗi Tiên nương sẽ phụ trách việc dẫn dắt vong hồn ở một tuần cửu (từ Nhất Nương đến Cửu Nương, cũng tức là từ Nhất Cửu đến Cửu Cửu). Ví dụ Kinh đệ tứ cửu gắn với Tứ Nương Diêu Trì Cung thì có thể xem ở Ảnh 6. Tên của các Tiên Nương ở Diêu Trì Cung xuất hiện ở phần Kinh thiên đạo của cuốn kinh này.

Đặc biệt thêm nữa, là tên của Đoàn Thị Điểm xuất hiện nhiều trong phần Kinh thế đạo của cuốn kinh. Các bài kinh sau đây trong phần Kinh thế đạo có xuất hiện tên Đoàn Thị Điểm, cũng tức là bà đã giảng cơ tặng cho các bài kinh đó:

Kinh tụng khi vua thăng hà (Đoàn Thị Điểm),
 Kinh tụng cho thầy khi qui vị (Đoàn Thị Điểm, Ảnh 7),
 Kinh cầu tổ phụ đã qui liễu (Đoàn Thị Điểm),
 Kinh cha mẹ đã qui liễu (Đoàn Thị Điểm),
 Kinh cầu bà con thân bằng cố hữu đã qui liễu (Đoàn Thị Điểm),
 Kinh tụng huynh đệ mắng phần (Đoàn Thị Điểm),
 Kinh tụng khi chồng qui vị (Đoàn Thị Điểm),
 Kinh tụng khi vợ qui liễu (Đoàn Thị Điểm).

Như vậy là đến kinh sách xuất bản năm 1936, đã thấy rất rõ vị trí của Tứ Nương và Ngũ Nương thuộc Diêu Trì Cung. Ngũ Nương chỉ xuất hiện ở bên Thiên đạo, tức là ngự ở trên tầng trời thứ năm. Còn Tứ Nương thì không chỉ xuất hiện ở bên Thiên đạo, mà còn là Đoàn Thị Điểm ở bên Thế đạo. Rõ ràng đối với cộng đồng Cao Đài, nữ sĩ Đoàn Thị Điểm là một trường hợp rất đặc biệt.

Kinh Thiên đạo và Thế đạo của Tòa thánh Tây Ninh đã được chỉnh sửa và cập nhật rất nhiều lần từ sau năm 1936, nhưng vị trí của Tứ Nương và Ngũ Nương thì không thay đổi so với năm 1936. Có thể thấy rõ điều này, nếu đối sánh bản in năm 1936 với bản in năm 2008 (hiện nay, các thánh sở của hệ phái Tây Ninh vẫn sử dụng bản in năm 2008).

Chúng ta cần xác nhận 3 điểm sau đây ở thời điểm năm 1936: (1) Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đã bước vào thần điện Cao Đài, bà giữ vị trí quan trọng với bên Thế đạo; (2) Nhưng có thể, ở thời điểm đó, người ta chưa ghép Đoàn Thị Điểm (bên Thế đạo) vào với Tứ Nương (bên Thiên đạo). Việc ghép đó sẽ được thực hiện ở thời kì sau; (3) Theo hai điểm trên, thì có thể, ở thời điểm đó, người ta cũng chưa xác định Ngũ Nương chính là Liễu Hạnh công chúa hay Vân Hương Thánh Mẫu. Việc ghép đó cũng sẽ được thực hiện ở các thập niên tiếp theo, mà chưa phải ở thập niên 30 của thế kỷ XX. Xác nhận được 3 điểm trên, nhất là ở điểm thứ ba gắn với Vân Hương Thánh Mẫu, là để chúng ta khám phá tiếp.

Trước năm 1936, chúng ta thấy rất nhiều tên Thánh Mẫu xuất hiện trong kinh sách của Cao Đài, có những vị như Lê Sơn Thánh Mẫu, Lư Sơn Thánh Mẫu, Đào Hoa Thánh Mẫu,... Nhưng chưa từng bao giờ thấy sự xuất hiện của Vân Hương Thánh Mẫu. Phải sau năm 1936, tức là năm mà Đoàn Thị Diễm - nhà văn tài hoa đã viết thiên truyện tuyệt bút về Vân Hương Thánh Mẫu - chính thức gia nhập vào điện thần Cao Đài, thì chúng ta mới thấy Vân Hương Thánh Mẫu xuất hiện dần trong kinh sách Cao Đài. Ví dụ, trong cuốn kinh Nữ đạo hòa minh xuất bản năm 1938 (Ngọc Minh Đài, 1938), chúng ta thấy xuất hiện nhiều vị Thánh Mẫu, như Đào Hoa Thánh Mẫu và Lê Sơn Thánh Mẫu, và đặc biệt là Vân Hương Thánh Mẫu (Ảnh 8). Các vị Thánh Mẫu này đều là thuộc về Diêu Điện hay Diêu Cung, tức cũng chính là Diêu Trì Cung của Diêu Trì Kim Mẫu. Có nghĩa là, đến năm 1938, Vân Hương Thánh Mẫu cũng được xác định là thuộc về Diêu Trì Cung.

Một điểm cần nhấn mạnh là Vân Hương Thánh Mẫu, cũng tức là Liễu Hạnh công chúa, đã giảng bút cho những lời tâm sự tha thiết về tình hình đất nước. Bà nhắc đến “dòng giống Hồng Bàng”, rồi đến “phận gái giữa đất Việt Nam” (Ngọc Minh Đài, 1938: 4). Cuốn kinh này có nhắc đến hình ảnh Hai Bà Trưng, để khuyến khích nữ giới hãy hiệp lực cùng nhau để vắn xoay vận nước, rằng: “Vì vậy đó con ơi phải liệu/Lấy đức tin học điệu Trung Vương/Một tay nắm kiếm soi đường/Phong thư một tuổi đem đường khoa ngôn” (Ngọc Minh Đài, 1938: 13).

Đến đây, chúng ta cần đặt câu hỏi quan trọng là: Vân Hương Thánh Mẫu ở xứ Bắc đã được tín đồ Cao Đài biết đến bằng con đường nào? Hay nói một cách khác, tín ngưỡng Vân Hương Thánh Mẫu từ xứ Bắc vì sao đã có thể lan đến được các thánh sở của Cao Đài ở thập niên 30 của thế kỷ XX?

Để góp phần trả lời câu hỏi trên, chúng tôi tìm được một câu chuyện liên quan sau đây trong cuốn sách lớn Những câu chuyện trong đạo (Tòa thánh Tây Ninh, 2012, sưu tập). Chuyện số 94 - “Một bài trong Kinh Đạo Nam tập Càn” như sau:

“Lúc thời Pháp thuộc: Ở Trung phần Việt Nam cũng có một phái hay câu cơ. Những bài cơ dạy được phổ biến rộng rãi; vì nội dung những bài ấy có tầm mức quan trọng đến tình hình đất nước nên chánh quyền Pháp cấm ngặt và tịch thu nếu bắt được nếu ai có giữ.

Đó là Kinh Đạo Nam. Gồm 2 tập: Tập Càn dạy phái Nam, còn tập Khôn dạy phái Nữ.

Ông Lễ Sanh Phụng, khi hiến thân vào Phước Thiện về Tây Ninh đem cả vợ con cùng về. Ông Phạm Duy Hoai có đến thăm lúc ông Phụng còn ở Nội ô, chưa cất nhà ngoài. Ông Hoai thấy trên bàn có một cuốn kinh tựa là “Kinh Đạo Nam” tập Càn. Ông Hoai mở ra xem và rất thích. Ông Phụng thấy thế nói: Của tôi còn giữ được. Tôi ít khi đọc. Anh thích tôi xin tặng lại anh. Ông Hoai đem về xem và học thuộc được một bài.

Về sau ông Hoai cho ông Giáo sư Lộc mượn xem, ông Lộc không đưa lại. Thế rồi, từ đó mất luôn.

Hôm nay ông Hoai đọc lại bài mà ông đã thuộc như sau:

“Vân Hương đệ nhứt Thánh Mẫu giáng dạy.

Sông Nhị - núi Hùng - nước bốn ngàn năm văn hiến.

Con Thần cháu Thánh - dân 20 triệu đồng bào.

Người quý, của xinh, biển bạc, rừng vàng.

Đồ sản vật nhứt là miền Đông Á.

Đất linh, người giỏi, trai tài gái hạnh.

Tiếng anh hùng lừng cội Bắc Nam.

Trẻ con kia Phù Đổng Thiên Dương - Ngựa sắt xung trời dẹp Ân tặc báo thù cho nước.

Đàn bà nọ: Là Trưng nữ chúa - Quân hồng đua sức đánh chàng Tô mà trả nợ cho chồng.

Rừng Chi Lăng: Lê Thái Tổ vây quân, đầu Liễu Thăng bêu ngược lưỡi gươm thần, giặc Minh ấy Gà vừa phải Cáo.

Sông Bạch Đằng Trần Đại Vương ra trận; Máu Ô mã chảy đầy dòng nước bạc. Quân Nguyên này “Chim đã sợ cung”.

Nhớ những người chiến sĩ anh hùng, mượn đào bút giải bày sơ lược.

Nào những hạng văn nhân trí sĩ, ở sử xanh còn ghi chép để muôn vãn.

Ôi ! Gương chước chưa lờ. Truyện xưa còn nhớ.

Kìa là thành Thăng Long - Kìa là núi Hổ. Nước non vẫn nước non nhà.

Này là họ Hồng Bàng - Đây là tổ Lạc Long. Dòng giống nguyên dòng giống cũ.

Xưa như thế ! Mà nay sao thế ! Toan vệt trời hỏi một đôi câu.

Khôn là sao? Dại là sao?

Đề cực Mẹ đến trăm ngàn nỗi.

Chua xót lắm! Đắng cay lắm! Cơ hội này biết tỏ cùng ai.

Đau đơn thay! Khôn khổ thay! Cơ hội ấy vì đâu mà nên thế.

Ôi thôi! Bối vụng cơ khai háo, gió chiu chẳng biết chiu.

Cam phận ngu hèn - Nước yếu không ngờ rằng yếu.

Cấn cổ chết trong vòng nô lệ. Mối Kinh Luân còn thiếu mặt trung phu.

Liếc mắt xem một dãy giang san.

Dòng danh lợi thấy rặt tay Thiếp phụ.

Sung sướng kẻ com vua áo Chúa.

Vẻ cân đai riêng hưởng lấy có một mình.

Khó nhọc Người tay lắm chân bùn.

(...)

Mẹ chỉ trông cho cá gặp nước, Rồng gặp mây.

Tư tưởng hội sau này nhiều lắm.

Trời còn đây; đất còn đây.

Giang sơn này rồi lại của con.

Sông chưa cạn, núi chưa mòn.

Hương lửa còn thơm tiếng mẹ.”

(Tòa thánh Tây Ninh, 2012: 148 - 152)

Trí nhớ của ông Phạm Duy Hoai thật đáng phục! Ông đã thuộc một đoạn thơ rất dài trong Kinh Đạo Nam, chúng tôi đành phải tạm lược bỏ đoạn ở giữa, chỉ trích lại đoạn đầu và đoạn cuối lời thơ ông đọc mà thôi.

Chúng ta đang thấy sự xuất hiện của cuốn sách nổi tiếng Kinh Đạo Nam - một tập hợp các bài giảng bút của Vân Hương Thánh Mẫu. Bản mà các ông Lê Sanh Phụng và Phạm Duy Hoai, theo lời kể trên, là đọc Kinh Đạo Nam bản chữ quốc ngữ. Các tin đồ Cao Đài ở thời điểm đó, tức khoảng đầu thập niên 30 của thế kỷ XX, khi đang làm việc tại Tòa thánh Tây Ninh đã được đọc Kinh Đạo Nam chữ quốc ngữ và tỏ ra vô cùng thích thú. Như trường hợp ông Hoai thì thuộc luôn một đoạn rất dài, đoạn ấy có nội dung tương tự như những gì mà Vân Hương Thánh Mẫu đã giảng bút tại Ngọc Minh Đài vào năm 1938. Chữ “Đạo Việt Nam” xuất hiện trong kinh sách Cao Đài như đã đề cập, hẳn có nghĩa là “Đạo của nước Việt Nam” và có liên quan đến “Đạo Nam” (Đạo của nước Nam) trong Kinh Đạo Nam này.

4. Cuốn Kinh Đạo Nam bản quốc ngữ in năm 1927 ở Nam Bộ

Như nhiều người đã biết, Kinh Đạo Nam là tập ghi chép văn thơ giảng bút tại đàn Hưng Thiện (Nam Định) của Vân Hương Thánh Mẫu và các vị nữ thần danh tiếng của Việt Nam. Sách vốn được viết bằng văn tự Hán Nôm và được khắc in vào năm 1923, được lưu truyền rộng rãi ở ngoài miền Bắc (Đào Duy Anh - Nguyễn Thị Thanh Xuân, 2007: 5-20).

Nhiều năm nay, chúng ta cứ đinh ninh rằng Kinh Đạo Nam chỉ có bản chữ Nôm, mà mãi đến gần đây mới được học giả Nguyễn Thị Thanh Xuân đem phiên dịch ra quốc ngữ (dựa trên bản chữ Nôm nhận ủy thác từ học giả Đào Duy Anh) và cho xuất bản vào năm 2007. Tuy nhiên, hoàn toàn không phải như vậy. Bản quốc ngữ

của Kinh Đạo Nam đã có từ lâu. Số là, vào đầu thập niên 20 của thế kỷ XX, sau khi Kinh Đạo Nam chữ Nôm được in ra ở ngoài Bắc tạo được tiếng vang rất lớn, thì một người miền Nam là ông Lê Nghiêm Kinh, nhân chuyến ra Bắc chơi đã tiếp cận được, thấy rất có giá trị, liền mang về Nam và phiên âm ra quốc ngữ, rồi đem ấn tống rộng rãi vào năm 1927 (Lê Nghiêm Kinh, 1927, Ảnh.9).

Bản in Kinh Đạo Nam bằng quốc ngữ năm 1927 của ông Lê Nghiêm Kinh, theo các con đường khác nhau, đã đến được với tín đồ đạo Cao Đài, như các ông Lê Sanh Phụng hay Phạm Duy Hoai đã kể trên. Các chức sắc cấp cao nhất của hệ phái Tây Ninh, cũng như của các hệ phái khác, hẳn đã có được Kinh Đạo Nam bằng quốc ngữ trong khoảng từ năm 1927. Theo chúng tôi, đây là một trong những nguyên nhân quan trọng tạo tiền đề cho việc Vân Hương Thánh Mẫu bước vào điện thần Cao Đài. Cũng từ Vân Hương Thánh Mẫu, thì Cao Đài đã thu nạp luôn nữ nhà văn Đoàn Thị Điểm vào điện thần của mình.

Sẽ cần có thêm những khảo luận bổ sung nữa, còn ở đây, bước đầu chúng tôi xác nhận được rằng, Vân Hương Thánh Mẫu và Đoàn Thị Điểm đã được tín đồ Cao Đài biết đến và tiếp nhận bắt đầu từ cuối thập niên 20 và đầu thập niên 30 của thế kỷ XX. Cũng ở đầu thập niên 30, phía Cao Đài đã định hình được cấu trúc của Diêu Trì Cung về mặt thần học: cai quản Diêu Trì Cung là Phật Mẫu (Diêu Trì Kim Mẫu), giúp việc cho Phật Mẫu là Cửu vị Tiên nương. Sau này, Vân Hương Thánh Mẫu và Đoàn Thị Điểm đã được Cao Đài xếp vào Diêu Trì Cung với tư cách là Ngũ Nương và Tứ Nương.

5. Thứ tự của các Tiên Nương và sự xuất hiện của văn hào Victor Hugo

Trong chín vị Nữ Phật, thì Tứ Nương hay Gám Tứ Nương được xem là hóa thân của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm. Bà là người đã có công rất lớn trong việc xây dựng hình tượng Liễu Hạnh công chúa (hay Vân Hương Thánh Mẫu) bằng văn tài trong thiên truyện xuất sắc “Vân Cát thần nữ truyện”, thuộc tập sách Truyền kì tân phả danh tiếng. Đoàn Thị Điểm giữ một vai trò quan trọng trong Cao Đài

như đã trình ở trên. Bà đã giảng cơ cho Cao Đài tám bài kinh trong phần Thế đạo. Đặc biệt, bà còn giảng cơ tập thơ Nữ trung tùng phận để dạy nữ phái Cao Đài. Đây là tập thơ lớn, có dung lượng lớn hơn cả Chinh phụ ngâm, và cũng được xem là thiên tuyệt bút. Căn cứ theo văn bản, Đoàn Thị Điểm đã gia nhập vào điện thần Cao Đài sớm hơn Vân Hương Thánh Mẫu. Tựa như có một sự cạnh tranh của các chức sắc cấp cao nhất của Cao Đài trong lựa chọn các vị thần đến từ bên ngoài. Đoàn Thị Điểm và Victor Hugo (với tên Việt Nam là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn) là hai vị nhân thần được lựa chọn vào phần Thế đạo. Một người là nữ học giả nổi tiếng tài hoa, là đại diện cho truyền thống văn chương thơ phú và khoa bảng Nho học, cũng là đại diện cho chuẩn mực “công dung ngôn hạnh” của phụ nữ Việt Nam. Người kia là văn hào lừng danh của nước Pháp và thế giới, đại diện cho ánh sáng của văn minh và bác ái chiếu rọi tới từ phương Tây.

Còn Vân Hương Thánh Mẫu là vị nữ thần lừng danh của đất Bắc truyền thống, qua cuốn thơ văn giảng bút Kinh Đạo Nam bằng quốc ngữ in năm 1927 ở Nam Bộ, đã tới được với tín đồ Cao Đài và nhanh chóng thu phục họ. Kinh sách của Cao Đài vốn trước đó xuất hiện rất nhiều các Thánh Mẫu, như Lê Sơn Thánh Mẫu, Đào Hoa Thánh Mẫu, nhưng khi Vân Hương Thánh Mẫu xuất hiện thì là những bài giảng bút ưu thời mãn thế rất hợp với bối cảnh chính trị xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX, rất hợp với tâm thế của người Việt Nam đương thời. Vân Hương Thánh Mẫu luôn khích lệ đám con cháu Lạc Hồng, dù là nam hay nữ, hãy một lòng đoàn kết để xoay vần vận nước. Hình ảnh Vân Hương Thánh Mẫu trong điện thần Cao Đài, ở điểm ưu thời mãn thế và canh cánh tâm sự về đất nước, là giống với hình ảnh Vân Hương Thánh Mẫu đã xuất hiện trong Kinh Đạo Nam.

Sau này, phía thần điện Cao Đài đã xếp cả Đoàn Thị Điểm và Vân Hương Thánh Mẫu vào nhóm Cửu vị Tiên nương luôn ở bên cạnh Phật Mẫu tại Diêu Trì Cung. Đoàn Thị Điểm đã được sắp xếp xuất hiện ở tầng trời thấp hơn nên trở thành Tứ Nương, còn Vân

Hương Thánh Mẫu thì ở tầng trời kế tiếp nên trở thành Ngũ Nương. Hai vị Tiên nương này được Phật Mẫu giao cho nhiệm vụ dẫn dắt linh hồn của tín đồ Cao Đài khi họ tới tầng trời mà các vị ngự.

Kết luận

Các học giả của Cao Đài, như Tự Pháp Vân Đẳng và Đức Nguyên, từ phía điện thần Cao Đài, nhìn nhận sự xuất hiện của Liễu Ngũ Nương như là một sự bước vào mang tính tự thân của Liễu Hạnh công chúa. Còn nghiên cứu này, thì từ góc nhìn học thuật, nhất là đặt Liễu Ngũ Nương trong mối tương quan với Đoàn Thị Điểm và Victor Hugo, lại cho thấy rõ một sự thâm nạp rất khéo léo của Cao Đài đối với các vị thần lừng danh và các tinh hoa văn hóa². Sự thâm nạp của Cao Đài, như đã trình bày, là một quá trình cẩn trọng từng bước một, và tới khoảng giữa thập niên 30 của thế kỷ XX thì mới chính thức định dạng. Ở đây, nổi bật lên như một tác nhân quan trọng của cuốn Kinh Đạo Nam bản quốc ngữ, được ấn hành với số lượng lớn năm 1927 ở miền Nam (thay cho bản chữ Nôm xuất phát từ miền Bắc).

Ngày nay, giữa các hệ phái Cao Đài vẫn có không ít khác biệt về tiểu tiết trong thực hành nghi lễ, nhưng với tín đồ Cao Đài nói chung, thì Phật Mẫu và Cửu vị Tiên nương chiếm vị trí quan trọng trong vũ trụ quan và nhân sinh quan của họ. Đây là người Mẹ Sinh và những người Mẹ Độ, đã có công sinh thành rồi lại nuôi nấng dưỡng dục suốt cuộc đời trần thế từ tám bé đến lúc xuôi tay. Khi linh hồn đã lìa xác tạm, lại được 9 Mẹ lần lượt dẫn dắt qua 9 tầng trời để tu tập - mỗi Mẹ cai quản một tầng trời và hướng dẫn tu tập theo một phương phức riêng. Nhờ đó, linh hồn trở về được cõi hằng sống an lạc đời đời của Cha (Đức Chí Tôn, Đức Cao Đài). Cao Đài chủ trương ở thời kì phổ độ thứ ba (Tam kì phổ độ) này, Đức Chí Tôn đã đóng địa ngục lại, mọi linh hồn nếu được dẫn dắt tu tập viên thành thì sẽ được trở lại cõi hằng sống an lạc đời đời.

Hình ảnh của Liễu Ngũ Nương là gắn với màu đỏ, cai quản tầng trời thứ năm với chức phận chính là “giải trừ căn quả” cho các chơn hồn, rồi đưa họ lên tầng trời tiếp theo. Chức phận này được thể hiện

ở lễ tuần cửu thứ năm trong hệ thống 9 tuần cửu mang tính độc đáo của Cao Đài (mỗi tuần là 9 ngày mà không phải 7 ngày như thông thường; đi hết 9 tuần cửu là 81 ngày). Hệ thống cúng tuần cửu của Cao Đài, như đã trình bày, cũng không phải có ngay được từ đầu, mà cũng hình thành dần theo sát với việc thâu nạp dần các vị thần ở bên ngoài cho đủ bộ Cửu vị Tiên nương./.

CHÚ THÍCH:

- 1 *Thài*: khi là động từ thì có nghĩa là “đọc bài thơ dâng lên cho các đấng thiêng liêng”; khi là danh từ thì có nghĩa là “bài thơ (được đọc để dâng lên cho các đấng thiêng liêng).
- 2 Việc khéo léo và thành công của Cao Đài được nhiều tác giả đề cập đến, ví dụ có thể xem Nguyễn Mạnh Tiến, 2013.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (sưu tầm, khảo chứng), Nguyễn Thị Thanh Xuân (phiên âm, chú thích), (2007), *Kinh Đạo Nam: Thơ văn giảng bút của Mẫu Liễu Hạnh và các vị nữ thánh*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
2. Cao Đài thượng đế Hội giáo Cần Thơ (1929), *Kinh thường dùng*, Nhà in An Hà, Cần Thơ.
3. Chiếu Minh đàn Cần Thơ (1929a), *Kinh cúng tứ thời – Thánh ngôn – Cảm ứng – Tang lễ và Cầu siêu*, Nhà in An Hà, Cần Thơ.
4. Chiếu Minh đàn Cần Thơ (1929b), *Thánh ngôn*, Nhà in Sở Văn, Cần Thơ.
5. Chiếu Minh đàn Vĩnh Hòa Hưng Rạch Giá (1932), *Kinh cúng tứ thời*, Nhà in An Hà, Cần Thơ.
6. Ngọc Minh Đài, Minh Kiến Đàn (1938), *Nữ đạo hòa minh*, Nhà in J-Việt, Sài Gòn
7. Đại đạo Tam kỳ phổ độ (1927), *Tân luật*, Nhà in Tam Thanh, Sài Gòn.
8. Chu Xuân Giao (2016), “Nữ thần xứ Bắc gia nhập vào tôn giáo mới ở vùng đất Nam Bộ (trường hợp Liễu Ngũ Nương trong thần điện Cao Đài)”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6 (156), tr. 94-116.
9. Nguyễn Trung Hậu (1927), *Luận đạo vấn đáp*, Nhà in Xưa Nay, Sài Gòn.
10. Nguyễn Trung Hậu (1930), *Đại Đạo căn nguyên*, Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn.
11. Nguyễn Hương Hiếu (Nữ đầu sư Hương Hiếu), (1957), *Đạo sử*, Bản ảnh các tư liệu đánh máy chữ, viết tay, ảnh đen trắng do nữ đầu sư biên soạn năm 1957, được in vào cuối tư liệu Nguyễn Hương Hiếu (2011).
12. Nguyễn Hương Hiếu (Nữ đầu sư Hương Hiếu), (2011 [1995]), *Đạo sử* (Quyển I và Quyển II), Bản Ebook do Thánh Thất New South Wales ấn hành năm 2011 theo bản in năm 1995 bởi Thánh Thất Tộc Đạo Westminster (có một số chỉnh sửa nhỏ mang tính kỹ thuật), 651 trang.

13. Nguyễn Văn Hồng (2011 [2000]), *Thánh ngôn hiệp tuyển I & II – Hợp nhứt & chú thích*, Bản Ebook do Thánh Thất New South Wales ấn hành, 524 trang.
14. Lê Nghiêm Kinh (1927), *Đạo Nam thiện kinh*, Nhà in Xưa Nay, Sài Gòn.
15. Đoàn Ngọc Minh (2014), “Lễ hội Kim Yến Điều Trì của hệ phái Cao Đài Tây Ninh”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10 (136), tr. 121-130.
16. Đinh Chí Nghiêm (1927), *Đạo Nam huấn nữ*, Nhà in Trung Bắc tân văn, Hà Nội.
17. Đức Nguyên (Nguyễn Văn Hồng), (2012a [2000, 2003]), *Cao Đài từ điển*, Quyển 1, Bản Ebook do Thánh Thất New South Wales ấn hành theo bản hiệu đính tháng 3 năm 2003, 1814 trang.
18. Đức Nguyên (Nguyễn Văn Hồng), (2012b [2000, 2003]), *Cao Đài từ điển*, Quyển 2, Bản Ebook do Thánh Thất New South Wales ấn hành theo bản hiệu đính tháng 3 năm 2003, 1882 trang.
19. Đức Nguyên (Nguyễn Văn Hồng), (2012c [2000, 2003]), *Cao Đài từ điển*, Quyển 3, Bản Ebook do Thánh Thất New South Wales ấn hành theo bản hiệu đính tháng 3 năm 2003, 1938 trang.
20. Phái Vô Vi (1934), *Kinh cúng tứ thời*, Nhà in Xưa Nay, Sài Gòn.
21. Hồ Thị Quế (soạn, 1928), *Kinh cúng tứ thời*, Nhà in Xưa Nay, Sài Gòn.
22. Trần Văn Rạng (2011 [1973]), *Công đức Đức Phật Mẫu, Cửu vị Nữ Phật*, Ebook do Tâm Nguyên ấn hành tại California, 74 trang.
23. Phạm Công Tắc (1928a), *Bài diễn văn của Hộ pháp Phạm Công Tắc đọc tại Tòa thánh Tây Ninh*, Nhà in Tam Thanh, Sài Gòn.
24. Phạm Công Tắc (1928b), *Phương tu đại đạo*, Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn.
25. Liên Thanh (sưu tập, 1986), *Tiểu sử bà nữ đầu sư Hương Hiếu (1888-1971)*, Tòa thánh Tây Ninh, bản trực tuyến ở địa chỉ sau: <https://sites.google.com/site/thienchaucom/--tieu-su-nu>.
26. Thánh thất Hà Nội (1935), *Kinh cúng tứ thời*, Thánh thất Hà Nội, Hà Nội.
27. Thánh thất Mỹ Tho (1928), *Đại đạo tam kỳ phổ độ*, Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn.
28. Thánh thất Vũng Liêm (1928), *Nhứt khóa*, Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn.
29. Thánh tịnh Điều Trì Cung (Tiên thiên Đại đạo Tam kỳ phổ độ), (1937), *Chức vụ nữ nhi kinh*, Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn.
30. Thánh tịnh Ngọc Linh (Tiên thiên Đại đạo Tam kỳ phổ độ), (2015 [1959]), *Minh thiện chơn kinh* (bản ấn tổng trong Chương trình Chung tay ấn tổng kinh sách Đại Đạo, theo bản in năm 1959, có chú thích của Thanh Căn và Lê Anh Minh), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
31. Nguyễn Mạnh Tiến (2013), “Nguyên nhân thành công của đạo Cao Đài từ góc độ văn hóa học”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11 (125), tr. 88-98.
32. Tòa thánh Bến Tre (?), (1928), *Đại đạo tam kỳ phổ độ kinh*, in lần thứ năm, Nhà in Xưa Nay, Sài Gòn.

33. Tòa thành Bến Tre (1998), *Kinh cúng tứ thời và quan hôn tang tế*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
34. Tòa thành Bến Tre (2019), *Châu tri số 200/CT – Đại lễ vía Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Đại Từ Tôn*, Văn bản ghi ngày 19 tháng 7 năm Kỷ Hợi (ngày 19 tháng 8 năm 2019).
35. Tòa thành Tây Ninh (1928a), *Thánh ngôn hiệp tuyển (bốn thứ nhất)*, Nhà in Tam Thanh, Sài Gòn.
36. Tòa thành Tây Ninh (1928b), *Châu tri và chương trình*, Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn.
37. Tòa thành Tây Ninh (1930), *Nghi tiết đại đàn và tiểu đàn tại tòa thành và thánh thất các nơi*, Nhà in Bùi Văn Nhẫn, Bến Tre.
38. Tòa thành Tây Ninh (Đại đạo Tam kỳ phổ độ), (1934 [1932]), *Thánh ngôn của Bác nương Diêu Trì cung*, Nhà in Mê Kông, Sa Đéc.
39. Tòa thành Tây Ninh (1936), *Kinh thiên đạo và thế đạo*, Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn.
40. Tòa thành Tây Ninh (2008), *Kinh thiên đạo và thế đạo*, Công ty cổ phần in Hoàng Lê Kha (theo giấy phép số 846/TG ngày 16/10/2008 của Nxb. Tôn giáo), Tây Ninh.
41. Tòa thành Tây Ninh (2009), *Hội yển Diêu Trì cung*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
42. Tòa thành Tây Ninh (soạn giả Khai Đạo Phạm Tấn Đãi), (2011 [1961]), *Giải thích Nội tâm và Ngoại tâm Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh*, Bản Ebook theo nguyên bản ấn hành năm 1961, 54 trang.
43. Tòa thành Tây Ninh (2012), *Những câu chuyện trong đạo (Sưu tập)*, Bản Ebook do Tâm Nguyên ấn hành tại California, 217 trang.
44. Trương Văn Trảng (1974 [1948]), *Giáo lý*, Tòa thành Tây Ninh xuất bản, Tái bản lần thứ 6, soạn giả giữ bản quyền, 219 trang.
45. Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch (ban hành và phụng soạn, 1928), *Tứ thời nhật tụng kinh*, Chùa Vĩnh Nguyên, Chợ Lớn.
46. Tự Pháp Vân Đăng (2009), “Thánh Mẫu Liễu Hạnh trong Đạo Cao Đài”, *Tạp chí Cao Đài*, số 2 (tháng 10 năm 2009, niên đạo 84), trang 44 - 45.
47. Vân Hương Thánh Mẫu (Lê Nghiêm Kinh chép quốc ngữ và ấn tổng), (1927), *Đạo Nam thiện kinh*, Nhà in Xưa Nay, Sài Gòn.
48. Vân Hương Thánh Mẫu (Lê Nghiêm Kinh chép, Dương Lân Chi ấn tổng), (1928), *Đạo Nam thiện kinh*, Nhà in Tam Thanh, Sài Gòn.

Abstract**RESEARCH ON THE TIME OF ADMISSION MOTHER
GODDESS LIỄU HẠNH AND FEMALE WRITER ĐOÀN THỊ
ĐIÊM INTO THE SANCTUARY OF CAODAISM****Chu Xuan Giao***Institute of Cultural Studies,
Vietnam Academy of Social Sciences*

Based on analysis of the retrospective documents of the witnesses and the first disciples such as Cao Hoai Sang, Nguyen Huong Hieu, Nguyen Trung Hau, and especially the Caodaist scriptures printed in the national language during the early periods from 1927 to 1929, and from 1930 to 1946, this article shows that Caodaism, a new religion in the South, skillfully admitted a famous goddess and a great female writer of the North into its sanctuary. These two characters became two of the nine Tiên Nương to serve the Mother Goddess Buddha in Diêu Trì Palace. Firstly, this article indicates the present interpretation of the Caodaist sects of the first Hội Yến Diêu Trì Cung in 1925. Next, it shows the retrospective documents of the witnesses who were participated in the Full moon night of August 1925. Then, it mentions the survey results of the early scriptures of Caodaism and the important role of the Đạo Nam scripture in 1927. Finally, the article discusses the order of Tiên Nương and the appearance of the writer Victor Hugo.

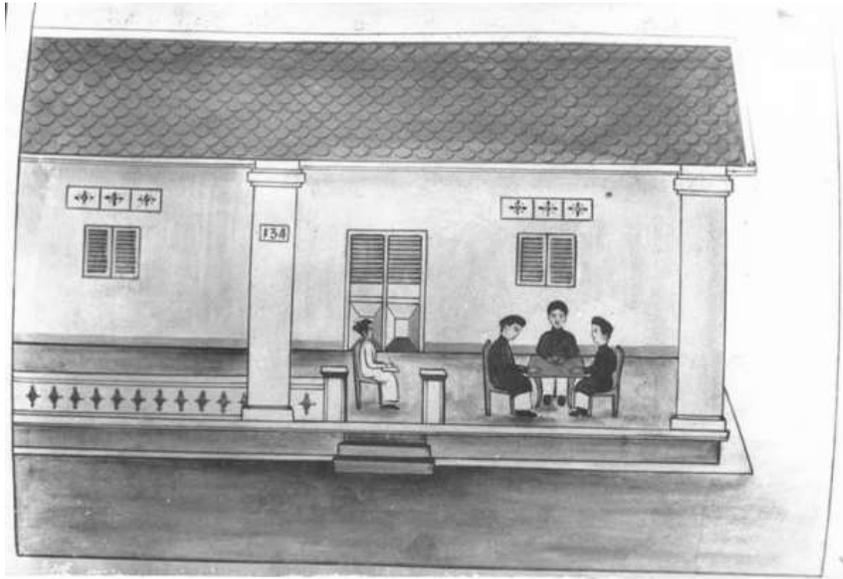
Keywords: Mother Goddess Lieu Hanh; Doan Thi Diem; Caodaist sanctuary.

PHỤ LỤC

Ảnh 1: “Hình bên đây ba ông HP.TP.TS. khởi sự xây bàn ngày 6 - 6 - Ất Sửu (26 - Juillet 1925) tại dãy phố hàng dừa (bây giờ là chợ Thái bình đường Cống Quỳnh Saigon)” (Nguyên chú viết năm 1957 của nữ đầu sư Hương Hiếu). Các chữ: HP.TP.TS. là nguyên văn chú thích của bà Hương Hiếu vào năm 1957. Bà viết tắt như vậy, nên tác giả tôn trọng mà giữ nguyên. Còn diễn giải thì là Hộ Pháp – Thượng Phẩm – Thượng Sanh.



Ảnh 2: “Hình bên đây ba ông đang xây bàn tại nhà ông Cao Quỳnh Cư số 134 đường Bourdais Saigon và cạnh đó có một bà ngồi gần cánh cửa là Bà Nguyễn Hương Hiếu đang ghi chép lại những bài Thánh giáo của các đấng giảng về” (Nguyên chú viết năm 1957 của nữ đầu sư Hương Hiếu).



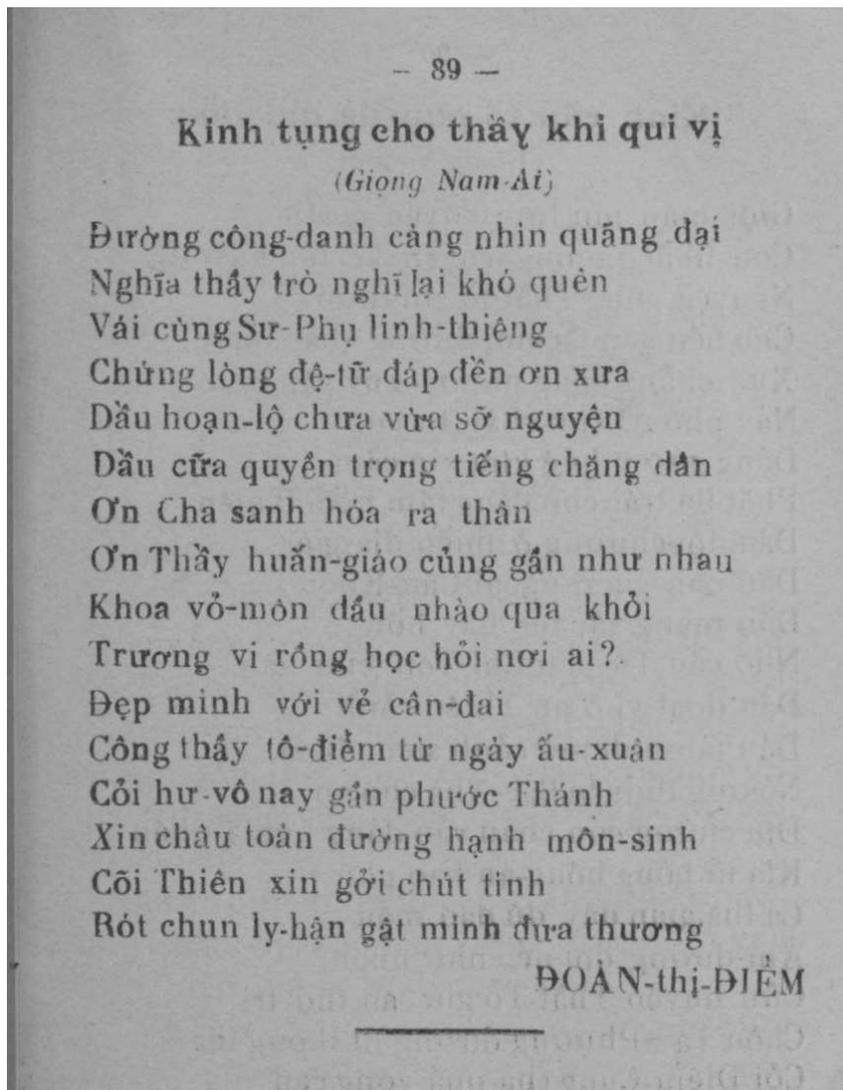
Ảnh 3: Chiếc bàn cầu cơ của ba ông Cư - Tắc – Sang, năm 1925.



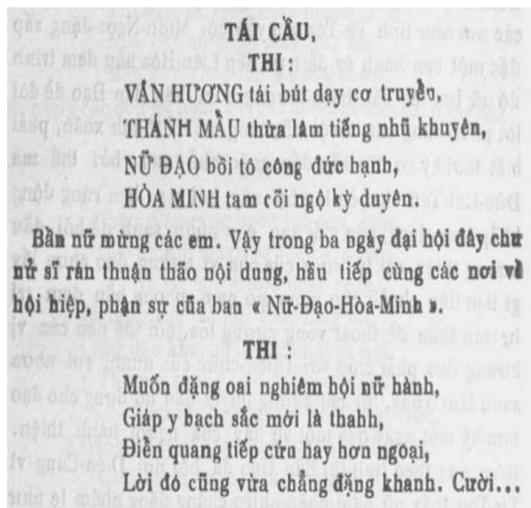
Ảnh 4: Hình ảnh bà Nguyễn Hương Hiếu đang chỉnh lý tư liệu vào năm 1957 để biên soạn cuốn *Đạo sử* (Nguyễn Hương Hiếu, 1957).



Ảnh 7: Một bài kinh do Đoàn Thị Điểm giảng cơ ban tặng trong kinh sách đã in năm 1936 (Tòa thánh Tây Ninh, 1936: 89).



Ảnh 8: Văn Hương Thánh Mẫu giảng bút dạy nữ phái Cao Đài (Ngọc Minh Đài, 1938: 7)



Ảnh 9: Bài “Đạo Nam tự kinh” trong *Kinh Đạo Nam* bản quốc ngữ in năm 1927 (Lê Nghiêm Kinh, 1927: 5)

